**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 6**

 **Cách ngôn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/Ngày** | **Môn học** | **Tiết PPCT** | **Tên bài dạy** |
| **Thứ Hai****14/10/2024****SÁNG** | ToánT.ViệtT.ViệtHĐTN | 26363716 | Bài toán liên quan đến rút về đơn vị Bài đọc 3: Những hạt thóc giốngBài đọc 3:Những hạt thóc giốngTổng kết cuộc thi Viết thư cho tương lai |
| **CHIỀU** | K.HọcGDTC | 1111 | Bài 6. Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí (Tiết 1)Ôn động tác đi đều hàng doc và vòng bên phải |
| **Thứ Ba****15/10/2024** | Toán T.ViệtT.Việt | 273839 | Luyện tậpBài viết 3:Trả bài viết đơnNói và nghe:Trao đổi: Như măng mọc thẳng |
| **Thứ Tư****16/10/2024****SÁNG** | HĐTNT.ViệtToánLS và ĐL | 17402811 | Niềm tự hào của em Bài đọc 4:Những chú bé giàu trí tưởng tượng Góc nhọn, góc tù, góc bẹtBài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (T1) |
| **CHIỀU** | Mĩ thuậtĐạo đức | 66 | Bài 3: Những vật liệu khác nhau (Tiết 2)Bài 3: Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 2) |
| **Thứ Năm****17/10/2024** |  T.ViệtToánLS-DLC.nghệK.học | 412912612 | Luyện từ và câu:Luyện tập về nhân hoá Đơn vị đo góc. Độ (o) (Tiết 1)Bài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (T 2)Bài 6. Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí (Tiết 2) |
| **Thứ Sáu****18/10/2024** |  T.ViệtToánHĐTN | 423019 | Góc sáng tạo:Quan sát vườn câyĐơn vị đo góc. Độ (o) (Tiết 2)Bức tường vinh danh.  |

 **Tổ trưởng GVCN**

**Huỳnh Thị Mỹ Lệ Võ Thị Thanh Hiền**

**THỨ HAI NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2024**

**Môn: Toán Số tiết CT: 26**

**Tên bài: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Củng cố cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị dạng 1, nắm được cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị dạng 2 và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

- *Năng lực mô hình hóa toán học:* Hình thành và ghi nhớ các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Nhận biết thành thạo dạng toán và giải đúng các bài toán cụ thể.

***2. Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải toán liên quan đến rút về đơn vị..

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến rút về đơn vị trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất:***

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Bảng con (HS)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: Trò chơi “Hãy chọn giá đúng”***: (3 p) |
| - GV nêu bài toán: Hoa mua 5 quyển vở hết 45 000 đồng. Lan mua 7 quyển vở cùng loại phải trả số tiền là: A. 9 000 đồng B. 225 000 đồngC. 63 000 đông D. 52 000 đồng- GV chốt kết quả đúng. H: Em hãy nêu các bước giải bài toán rút về đơn vị đã học? *- Tiết học trước các con đã tìm hiểu các bước giải dạng số 1 của bải toán liên quan đến rút về đơn vị. Tiết học này chúng mình cùng tìm hiểu tiếp các bước giải dạng số 2 của bải toán liên quan đến rút về đơn vị nhé. Dạng 2 có gì khác so với dạng 1 và phải làm như thế nào? Cô trò mình cùng khám phá qua bài toán sau:*  | - HS suy nghĩ, tính rồi ghi đáp án của mình vào bảng con – thời gian 1 phút. - Đáp án đúng: C. - 1 HS giải thích cách làm.- 2 bước: + Bước 1: tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia). + Bước 2: tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân). |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: ( 10p)*** |
| - GV nêu bài toán: Người ta đóng gói 12kg hạt sen vào 3 túi như nhau. Hỏi 20kg hạt sen thì đóng được bao nhiêu túi như thế? H: Bài toán cho biết gì? H: Bài toán hỏi gì? H: Theo em, để tính được 20kg hạt sen đóng được bao nhiêu túi trước hết chúng ta phải biết được gì?H: Tìm được số kg hạt sen đóng vào mỗi túi ntn? H: 4kg hạt sen đóng vào 1 túi, vậy có 20kg hạt sen đóng được bao nhiêu túi ta làm thế nào? - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp giải vào vở- GV nhận xét, chốt bài giải đúng. H: Trong bài toán trên, bước nào là bước rút về đơn vị? - GV chốt cách giải bài toán liên quan rút về đơn vị - dạng toán 2*+ Bước 1:* Rút về đơn vị (tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau – thực hiện phép chia).*+ Bước 2:* Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).*- Bây giờ, để khắc sâu các bước giải dạng toán này, cô trò mình cùng chuyển sang phần thực hành giải các bài toán nhé*.  | - 1 HS đọc đề bài, lớp đọc thầm- HS trả lời, tóm tắt bài toán 12kg hạt sen : 3 túi 20kg hạt sen : ... túi?- Tìm được số kg hạt sen đóng vào mỗi túi. - Thực hiện phép chia 12 : 3 = 4 (kg)- Lấy số kg hạt sen (20) chia cho số kg hạt sen đóng vào mỗi túi (4) 20 : 4 = 5 (túi) - HS giải bài (như SGK) - Bước tìm số kg hạt sen đóng vào mỗi túi là bước rút về đơn vị.- HS nối tiếp nhắc lại |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành (10p)*** |
| Bài 2a) Rót hết 35 *l* sữa vào đầy 7 can giống nhau. Hỏi để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can như thế? H: Bài toán cho biết gì? H: Bài toán hỏi gì? H: Theo em, để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can trước hết chúng ta phải biết được gì?H: Tìm được số lít sữa rót vào mỗi can ntn? H: 5 *l* sữa rót vào 1 can, vậy để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can ta làm thế nào? - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp giải vào vở- GV nhận xét, chốt bài giải đúng. H: Bài toán trên thuộc dạng toán nào?H: Bước nào là bước rút về đơn vị?H: Muốn tìm số can dầu ta thực hiện phép tính gì? Bài 2b) Người ta đóng 24 viên thuốc vào 4 vỉ đều nhau. Hỏi 6 672 viên thuốc thì đóng được vào bao nhiêu vỉ như thế? (Các bước tiến hành tương tự bài 2a) | - HS đọc đề bài, nêu bài toán cho biết gì, tìm gì, rồi tóm tắt bài toán. 35 *l* sữa : 7 can40 *l* sữa : ... can?- Tìm được số lít sữa rót vào mỗi can. - Thực hiện phép chia 35 : 7 = 5 (*l*)- Lấy số lít sữa (40) chia cho số lít sữa rót vào mỗi can (5) 40 : 5 = 8 (can)  Bài giảiSố lít sữa rót vào mỗi can là:  35 : 7 = 5 (*l*)Số can cần để rót hết 40 *l* sữa là:  40 : 5 = 8 (can)  Đáp số: 8 can- Rút về đơn vị - dạng 2- Tìm số lít sữa rót vào mỗi can là bước rút về đơn vị.- Thực hiện phép chia số lít dầu cho số lít dầu rót vào mỗi can- (HS thực hiện tương tự bài 2a)Tóm tắt: 24 viên thuốc : 4 vỉ6 672 viên thuốc : ... vỉ?Bài giảiSố viên thuốc đóng vào mỗi vỉ là:  24 : 4 = 6 (viên thuốc)Số vỉ thuốc để đóng hết 6 672 viên thuốc là:  6 672 : 6 = 1 112 (vỉ thuốc)  Đáp số: 1 112 vỉ thuốc |
| ***4. Hoạt động vận dụng: (10p)*** |
| - GV nêu bài toán:**Bài 3.** Nhân dịp đầu năm học mới, một nhà sách có chương trình khuyến mãi như sau: “ Cứ mua 5 quyển sách được tặng 10 chiếc nhãn vở”a) Hỏi mua 20 quyển sách được tặng bao nhiêu nhãn vở? b) Theo em, chị Huệ mua 23 quyển sách thì được tặng bao nhiêu chiếc nhãn vở? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 làm bài. H: Bài toán trên thuộc dạng toán nào?H: Bước nào là bước rút về đơn vị?H: Các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 1 và dạng 2 có gì giống và khác nhau? **5.Hoạt động củng cố và nối tiếp : (2p)**- Dặn HS về nhà tự tìm các tình huống thực tế liên quan đến bài toán rút về đơn vị rồi tự thực hiện giải. | - HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4 tìm câu trả lời cho bài toán. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, giải thích cách làm. a) Mua 1 quyển sách được tặng số nhãn vở là :  10 : 5 = 2 (chiếc) Mua 20 quyển sách được tặng số nhãn vở là : 2 x 20 = 40 (chiếc)b) Chị Huệ mua 23 quyển sách được tặng số nhãn vở là : 2 x 23 = 46 (chiếc)- Rút về đơn vị dạng 1- Tìm số nhãn vở được tặng khi mua 1 quyển sách- Giống nhau bước 1: Rút về đơn vị (tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau – thực hiện phép chia).+ Khác nhau bước 2. Dạng 1: Bước 2 tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân).Dạng 2: Bước 2 Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).- Lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

**Môn: Tiếng Việt**

**Tên bài: Bài đọc 3 : NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG** **Số tiết CT: 36, 37**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng/phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Qua câu chuyện về chú bé Chôm, câu chuyện ca ngợi đức tính trung thực và dũng cảm, xem đó là những đức tính quý nhất của con người, các bạn nhỏ rất cần rèn luyện để có được lòng trung thực và thần dũng cảm.

- Hiểu những chi tiết bất ngờ trong bài, biết chia sẻ suy nghĩ với mọi người, phát hiện giọng đọc phù hợp với tính cách của nhân vật và diễn biến của câu chuyện.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

- NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập - trả lời các CH đọc hiểu)

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, dũng cảm.

\* GDĐĐ,LT,CM: Ca ngợi đức tính trung thực và lòng dũng cảm của cậu bé Chôm trong câu chuyện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: KHBD, Tranh ảnh bài đọc.

- HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** (5phút) |
| - GV tổ chức TC: “Bông hoa niềm vui”- Hình thức chơi: HS chọn bông hoa mình thích trên trò chơi để đọc 1 đoạn và trả lời 1 trong 5 câu hỏi ở SGK (tr.38-39) *Bài đọc 2: Một người chính trực.*- GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của HS.- GV giới thiệu bài. | - HS tham gia chơi trò chơi.- Nhận xét, khen bạn thắng cuộc.- Học sinh lắng nghe, nhắc lại mục bài.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới** (50 phút) |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**- GV đọc mẫu toàn bài: Giọng đọc thong thả, rõ ràng, sinh động. Nhấn giọng ở những từ ngữ mới hoặc khó đối với HS. Giọng đọc chậm rãi ở câu cuối; chú ý phân biệt lời của nhân vật (vua và Chôm).- HD chung cách đọc toàn bài.- GV chia đoạn: 4 đoạn+Đoạn 1: *Từ đầu ... đến bị trừng phạt*. +Đoạn 2: *Tiếp đến* .... *nảy mầm được*. +Đoạn 3: *Tiếp đến... từ thóc giống của ta.* +Đoạn 4 : *Phần còn lại.*- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó.*-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4.- GV nhận xét các nhóm.- Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK (*bệ hạ, sững sờ, dõng dạc, hiền minh)*- 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.**Hoạt động 2: Đọc hiểu**- GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK. *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép. \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. - Xong, GV mời TBHT lên điều hành các bạn trình bày, báo cáo kết quả.- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi động viên HS các nhóm và bổ sung (nếu có). + Nhà vua tìm người nối ngôi bằng cách nào?+ Vì sao đến vụ thu hoạch, cậu bé Chôm không nộp được thóc cho nhà vua ? + Vì sao mọi người đều sững sờ khi nghe Chôm nói ? + Nhà vua xử sự thế nào khi nghe Chôm nói ? + Em có tán thành ý kiến “Trung thực là đức tính quý nhất của con người” không? Vì sao?- GV: Em có suy nghĩ gì về vị vua trong bài học?- GV hỏi thêm: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung câu chuyện nói về điều gì?*- GV nhận xét, chốt lại: Câu chuyện ca ngợi đức tính trung thực và dũng cảm của chú bé Chôm, xem đó là những đức tính quý nhất của con người, các bạn nhỏ rất cần rèn luyện để có được lòng trung thực và thần dũng cảm.\* GDĐĐ,LT,CM: Ca ngợi đức tính trung thực và lòng dũng cảm của cậu bé Chôm trong câu chuyện. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.- HS lắng nghe cách đọc.- HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: *lệnh, truyền ngôi, kinh thành, sững sờ, …*)- HS luyện đọc theo nhóm 4 (CN – N).- 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.- Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có). VD*: thúng: dụng cụ đan bằng tre, nứa ngày xưa thường dùng để đựng thóc. Truyền ngôi: nhường lại ngôi vua cho người kế tiếp.*- Lớp theo dõi, đọc thầm.- 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.- HS nghe và làm việc theo N mảnh ghép:V1: Cá nhân đọc thầm trong SGK theo và trả lời câu hỏi của nhóm mình.V2: Thảo luận nhóm chuyên sâuV3: Làm việc theo N mảnh ghépV4: Chia sẻ trước lớp: TBHT điều hành các bạn chia sẻ. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung.- Theo dõi*\*Dự kiến kết quả chia sẻ:*+ Nhà vua tìm người nối ngôi bằng cách ra lệnh phát cho mỗi người dân một thúng thóc về gieo trồng và giaohẹn: Ai thu được nhiều thóc nhất sẽ được truyền ngôi, ai không có thóc nộp sẽ bị trừng phạt.+ Vì cậu bé dốc công chăm sóc mà thóc vẫn chẳng nẩy mầm.+ Vì mọi người không dám nói ra sự thật; khi thấy Chôm nói ra sự thật, mọi người lo lắng, sợ Chôm bị nhà vua trừng phạt.+ Nhà vua đỡ Chôm dậy và nói cho mọi người biết sự thật là ông đã cho luộc kĩ thóc rồi nên thóc không thể nảy mầm được. Vua khen ngợi Chôm là người trung thực, dũng cảm; quyết định truyền ngôi cho Chôm.+ HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Em tán thành vì người trung thực luôn luôn được tín nhiệm và làm nhiều việc tốt, …- Đó là một vị vua rất hiền minh, sáng suốt. Ông đề cao đức tính trung thực và dũng cảm. Ông đã dạy cho rất nhiều người dân của ông bài học về lòng trung thực.- HS suy nghĩ, trả lời: Câu chuyện ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm, dám nói lên sự thật.- Lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành** (10 phút).- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1+2 với giọng đọc phù hợp thể hiện được tình cảm, cảm xúc.  *Ngày xưa/ có một ông vua cao tuổi muốn tìm người nối ngôi.// Vua ra lệnh/ phát cho mỗi người dân một thúng thóc về gieo trồng/ và giao hẹn:/ ai thu được* ***nhiều thóc nhất***  *sẽ được truyền ngôi/, ai* ***không có thóc nộp*** *sẽ bị trừng phạt.//        +* *Có chú bé mồ côi tên là Chôm nhận thóc về,/* ***dốc công*** *chăm sóc/ mà thóc vẫn* ***chẳng nảy mầm****.//* *Đến vụ thu hoạch,/ mọi người* ***nô nức*** *chở thóc về kinh thành/ nộp cho nhà vua//. Chôm lo lắng đến trước nhà vua,/ quỳ tâu://* *- Tâu Bệ hạ!// Con* ***không làm sao*** *cho thóc nảy mầm được.//* |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.- GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo N bàn.- Thi đọc diễn cảm trước lớp.- Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** (5 phút). |
| - Qua bài đọc, em học tập điều gì? Em đã làm được những gì?- Theo em, lòng dũng cảm và sự trung thực của người HS trong học tập được thể hiện qua những việc làm nào?- Nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.- GDHS: Là HS, chúng ta cần phải trung thực trong học tập và cuộc sống; dũng cảm nhận lỗi và sửa lỗi.- Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Lòng dũng cảm: Dám nhận lỗi và sửa lỗi, dám vượt qua những khó khăn trở ngại trong học tập cũng như trong cuộc để vươn lên học tập tốt.+ Sự trung thực: Không nói dối, không chép bài, nhìn bài của bạn, …- Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***)**

**Môn: HĐTN Số tiết CT: 16 Tên bài: TỔNG KẾT CUỘC THI VIẾT THƯ CHO TƯƠNG LAI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.

- Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Sinh hoạt dưới cờ: Tổng kết cuộc thi Viết thư cho tương lai.****a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:- Chia sẻ bức thư tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai* trước toàn trường hoặc chú ý lắng nghe, cổ vũ cho bạn đọc thư.- Thể hiện sự tự tin, hứng thú khi tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai.* **b. Cách tiến hành**- GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung tổng kết cuộc thi *Viết thư cho tương lai* gồm nội dung chính sau: - Tổng kết số lượng HS tham gia cuộc thi, nhận xét chất lượng bức thư và khen ngợi các tập thể xuất sắc đã có nhiều bức thư tham gia đạt chất lượng tốt.- GV mời đại diện 2 – 4 HS chia sẻ bức thư trước toàn trường.- GV mời một số HS bày tỏ cảm xúc sau khi tham gia cuộc thi.  | - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS đọc bài trước toàn trường. HS khác lắng nghe. - HS bày tỏ cảm xúc của bản thân.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Khoa học Số tiết CT: 11**

**Tên bài: BÀI 6: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ**

 **VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.

- Trình bày được vai trò của không khí đối với sự sống.

- Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí.

- Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**:

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

- HS:SHS, VBT. Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động :** (5p)- GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt câu hỏi: *Khi thổi không khí vào bếp than hoặc bếp củi thì lửa sẽ cháy to lên hay nhỏ đi? Vì sao?*- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài học mới: ***Bài 6 – Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí.*****2. Hoạt động hình thức kiến thức :** (15p)**Hoạt động 1: Tiến hành thí nghiệm chứng minh không khí cần cho sự cháy**- GV chia lớp thành các nhóm 8 HS.- GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin và thực hiện thí nghiệm theo hướng dẫn trang 24 SGK: - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thí nghiệm và giải thích, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác.- GV tổ chức HS thảo luận: *“Cần phải làm gì để duy trì sự cháy đối với các cây nến B, C? Vì sao?”*- GV gọi lần lượt đại diện 2 nhóm nêu kết quả và giải thích kết quả đó. HS các nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.- GV chốt cách giải thích và lưu ý HS:**Hoạt động 2 : Tìm hiểu về vai trò của không khí đối với sự sống**- GV yêu cầu HS đọc nội dung trong kí hiệu con ong ở trang 25 SGK.- GV chiếu hình 2 trang 25 SGK lên bảng và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *“Không khí có vai trò như thế nào đối với sự sống?”.*- GV mời ba HS lần lượt lên bảng chỉ và trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác và chốt kiến thức:**3. Hoạt động luyện tập , vận dụng : (10’)****Hoạt động 1 : Tìm hiểu một số cách chữa cháy trong thực tế**- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm thảo luận thực hiện yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng ở trang 24 SGK.- GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm trả lời trước lớp. HS nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, chính xác phần giải thích.- GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: “Em còn biết cách chữa cháy trong thực tế không?” - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét.- GV nhận xét và thống kê một số cách chữa cháy trong thực tế:**Hoạt động 2 : Giải thích vai trò của không khí trong cuộc sống.**- GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:**Câu 1:** Không khí duy trìA. Sự cháyB. Sự sốngC. Lượng nước trao ao hồD. Cả A và B**Câu 2:** Quá trình nào sau đây cần không khí?A. Nóng chảy.B. Ngưng tụ.C. Hòa tan.D. Hô hấp.**Câu 3:**  Đâu không là vai trò của không khí đối với sự sống?A. Cung cấp nitrogen giúp cây cối phát triển nhanh.B. Gây ô nhiễm môi trường.C. Không khí giúp điều hòa khí hậu.D. Cung cấp sự sống, sự cháy cho vạn vật.**Câu 4:** Vì sao có thể dùng chăn ướt để dập lửa?A. Chăn ướt có thể ngăn cách đám cháy với không khí bên ngoài.B. Chăn ướt làm giảm nhiệt độ của đám cháy.C. Chăn ướt dễ cháy.D. Đáp án A và B.**Câu 5:** Nhà kính trồng rau là công trình có mái che được làm bằng kính hoặc các vật liệu tương tự nhằm tránh các tác hại từ thời tiết. Tuy nhiên các nhà kính đều có cửa thông khí, mục đích là đểA. Trao đổi nhiệt độ với môi trường bên ngoài.B. Cung cấp không khí cho cây cối.C. Cung cấp độ ẩm của môi trường bên ngoài cho cây cối.D. Tưới cây bằng nước mưa, không phải xây các hệ thống tưới tiêu.- GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp : (5p)**- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- Đọc và chuẩn bị trước tiết sau. | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu. - HS xung phong trả lời:*Lửa sẽ cháy to hơn.*- HS theo dõi, ghi bài mới.- HS thực hiện theo yêu cầu.- HS lắng nghe, hăng hái tìm hiểu thí nghiệm.- HS chia theo nhóm.- Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.- Đại diện các nhóm xung phong trình bày.- Lắng nghe.- Lắng nghe.- HS đọc.- Các nhóm thực hiện thảo luận theo yêu cầu.- Đại diện các nhóm xung phong trình bày.- HS lắng nghe, sửa bài.- HS chia theo nhóm.- Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.- Đại diện các nhóm xung phong trình bày.- Lắng nghe.- Trả lời.- Lắng nghe.- HS chú ý lắng nghe.- HS trả lời:- HS chú ý lắng nghe, sửa bài.- Lắng nghe.- HS chú ý lắng nghe.- HS lắng nghe  |

**V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY : ( nếu có )**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**THỨ BA NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 2024**

**Môn: Toán Số tiết CT: 27**

**Tên bài: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Củng cố cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản..

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Nhận biết và giải thành thạo 2 dạng của bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

***2. Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải toán liên quan đến rút về đơn vị qua các bài tập và tình huống thực tế

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến rút về đơn vị trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất:*** Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 3 bảng nhóm, Bảng con(HS)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: Trò chơi “Nhanh như chớp”***: (3 p*)*  |
| - GV nêu bài toán: 1/ Có 72 kg gạo đựng đều trong 8 bao. Hỏi có 54 kg gạo đựng đều trong bao nhiêu bao như thế? A. 6 bao B. 9 bao C. 486 bao D. 6 bao dư 6kg2/ Có 8 bao gạo đựng tất cả 448 kg gạo. Hỏi có 5 bao gạo như thế nặng bao nhiêu kg? A. 56kg B. 280kg C. 89kg D. 285kg- GV chốt kết quả đúng. H: 2 bài toán thuộc dạng toán nào? H: Em hãy nêu các bước giải của mỗi bài toán trên? *- Hai tiết học trước các con đã tìm hiểu các bước giải 2 dạng bài của bải toán liên quan đến rút về đơn vị. Tiết học này chúng mình luyện tập để nắm thật chắc các bước giải bải toán liên quan đến rút về đơn vị nhé.*  | - HS suy nghĩ, tính rồi ghi đáp án của mình vào bảng con – thời gian 1 phút/ bài. - 1 HS giải thích cách làm. 1/ A. 6 bao 2/ B. 280kg- Bài 1 là bài toán có liên quan đến rút về đơn vị dạng 2. Bài 2 là bài toán có liên quan đến rút về đơn vị dạng 1\* Bài 1: + Bước 1: tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia). + Bước 2: Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).\*Bài 2: + Bước 1: Tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia). + Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân). |
| ***2. Hoạt động luyện tập thực hành: (25p)*** |
| - GV yêu cầu 3 học sinh nối tiếp đọc yêu cầu bài tập 1, 2, 3 – SGK trang 43; cả lớp đọc thầm theo bạn. - Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, chia nhóm như sau: **Vòng 1:** ***Nhóm chuyên gia*** – 3 nhóm (3 tổ). Mỗi nhóm thực hiện yêu cầu 1 bài tập, chia thành từng nhóm nhỏ 3HS- điểm danh 1-2-3, mỗi HS trong nhóm đọc lại đề bài, nêu cho bạn nghe bài toán cho biết gì, tìm gì, rồi tóm tắt và giải bài toán. **Vòng 2**: ***Nhóm mảnh ghép.*** + Cứ 3 em số 1 thành 1 nhóm, 3 em số 2 thành một nhóm; 3 em số 3 thành 1 nhóm theo khu vực hợp lí. + Nối tiếp mỗi em ở nhóm chuyên gia bài nào thì hướng dẫn lại cho 2 em trong nhóm mới để các bạn nắm được nội dung bài đó. - GV yêu cầu đại diện 3 nhóm mảnh ghép lần lượt trình bày kết quả thảo luận của nhóm, ví dụ: Chuyên gia bài 1 trình bày bài 2, chuyên gia bài 2 trình bày bài 3, chuyên gia bài 3 trình bày bài 1. - GV yêu cầu HS cả lớp nhận xét, chỉ ra bước rút về đơn vị, chốt kết quả đúng. - Yêu cầu HS nêu lại bước giải của mỗi dạng bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  | - HS làm việc nhóm Chuyên gia theo yêu cầu của GV, thời gian 5 phút. + Nhóm 1-tổ 1: Bài 1+ Nhóm 2-tổ 2: Bài 2+ Nhóm 3-tổ 3: Bài 3- HS làm việc nhóm Mảnh ghép theo yêu cầu của GV, thời gian 5 phút. - Đại diện 3 nhóm Mảnh ghép lên bảng trình bày kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, chốt kết quả đúng:  - HS nhận xét.- HS nêu. |
| ***3. Hoạt động vận dụng: (5p)*** |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4. - YC HS nối tiếp nêu các tình huống thực tế liên quan đến dạng bài toán rút về đơn vị, gọi một bạn bất kì ở tổ khác thực hiện bài toán. Mỗi tổ có tình huống hợp lí hoặc thực hiện đúng bài toán nhóm bạn yêu cầu sẽ được tặng 1 cờ thi đua. **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp : (2p)**- Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? - Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì? - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến bài toán rút về đơn vị rồi tự thực hiện giải.- Dặn HS chuẩn bị thước thẳng, ê ke cho bài sau: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp đọc thấm- HS nối tiếp nêu tình huống thực tế; nêu cách thực hiện bài toán bạn đưa ra. - Phân biệt được cách giải hai dạng bài toán rút về đơn vị và vận dụng để giải quyết được các tình huống thực tế có liên quan.- Đọc kĩ yêu cầu bài tập để xác định đúng dạng bài.- Lắng nghe để thực hiện .- Lắng nghe để thực hiện . |

*)*:

 **Môn: Tiếng Việt**

**Tên bài: BÀI VIẾT 3: TRẢ BÀI VIẾT ĐƠN Số tiết CT: 38**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân, tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của đơn, về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Viết được các câu văn rõ ràng, rành mạch, diễn đạt chính xác và đầy đủ thông tin.

**2. Năng lực chung**

- NL tự chủ, tự học; NL :

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập).

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khi tham gia phát hiện lỗi, chữa bài, viết lại đoạn văn trong bài.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất trách nhiệm: Trong nhận xét, phát hiện lỗi, chữa bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: Tập vở đã chấm của HS có lời nhận xét đầy đủ. Bài viết tốt của HS.

- HS: Vở BT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**(5 phút) |
| - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.- GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã thực hành viết một lá đơn. Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của đơn, về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. Đồng thời viết được các câu văn rõ ràng, rành mạch, diễn đạt chính xác và đầy đủ thông tin để có thể viết một lá đơn hoàn chỉnh qua tiết học *Trả bài viết đơn*. | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc. - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành:** (25 phút) |
| **HĐ1: Nghe nhận xét chung về bài viết của cả lớp.****-** GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:+ Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.+ Những lỗi chính tả điển hình về bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả, .... (Trình chiếu trên màn hình)- Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật.- GV chọn đọc một số đơn viết tốt trước lớp.**HĐ2: Tham gia sửa bài cùng cả lớp**- GV tổ chức cho HS chữa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...) của lớp.- GV trình chiếu lên màn hình những lỗi phổ biến trong bài chấm.- Mời HS chia sẻ cách sửa lỗi.- GV chốt ý cách sửa.**\**Lưu ý*:**+ Có thể xây dựng các BT chữa lỗi với nguồn ngữ liệu từ bài viết của HS (Trình chiếu lên slide)+ Có thể tổ chức HĐ nhóm hoặc HĐ lớp.+ Có thể cho HS nghe đơn viết tốt.**HĐ3: Tự sửa bài**- GV hướng dẫn HS tự sửa bài bài viết của mình.+ Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.+ Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.+ Lựa chọn, viết lại một phần của lá đơn.\*GV theo dõi và hỗ trợ HS gặp khó khăn.**HĐ 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi.**- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).- Mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài. - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần). | - HS chú ý theo dõi.- Lắng nghe để học tập.- Làm việc cả lớp.- HS đọc bài trên màn hình, phát hiện ra những lỗi phổ biến.- Suy nghĩ và nối tiếp chia sẻ cách sửa lỗi những lỗi điển hình đó.- HS làm việc cá nhân:+ Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.+ Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.+ Lựa chọn, viết lại một phần của lá đơn vào vở.- HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).- 1-2 HS báo cáo kết quả sửa bài. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)- Lắng nghe để rút kinh nghiệm. |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:** (5 phút) |
| - Qua tiết học hôm nay, các em đã làm được những gì?- GV nhắc HS phải chú ý thực hiện đúng yêu cầu khi viết một lá đơn. - GV nhận xét tiết học và hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài *Góc sáng tạo*: *Quan sát vườn cây*. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Tiếng Việt**

**Tên bài: NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG - Số tiết CT: 39**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Nói mạch lạc, bước đầu nói được truyền cảm, thuyết phục được về chủ điểm *Như măng mọc thẳng.*

- Biết lắng nghe, ghi chép và có ý kiến phản hồi phù hợp về bài nói của các bạn.

- Điều chỉnh được bài nói phù hợp với thái độ, phản ứng của người nghe.

- Cảm nhận được tính cách các nhân vật trong câu chuyện; nêu được cảm nghĩ của bản thân.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói).

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất trung thực: Không nói dối, không làm hại người khác, biết giữ lời hứa.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** (5 phút) |
| - GV tổ chức cho HS nghe hát và kết hợp vận động theo nhạc bài hát *Em là mầm non của Đảng*.- Hãy kể tên các bài đọc, bài kể chuyện đã học ở tuần 5 và tuần 6.- Những bài đọc này thuộc chủ điểm nào?- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em gtrao đổi, nói mạch lạc, bước đầu nói được truyền cảm, thuyết phục được về chủ điểm *Như măng mọc thẳng.* | - HS nghe - hát kết hợp vận động theo nhạc.- HS kể: *Một người chính trực, Những hạt thóc giống, .....*- Chủ điểm *Như măng mọc thẳng.* - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** (25 phút) |
| **\*HĐ1: Chuẩn bị****-** GV yêu cầu HS đọc 2 đề trong SGK.Hỏi: Em sẽ lựa chọn đề nào?- GV chia lớp thành các nhóm (theo đề các em đã chọn). Yêu cầu HS trong mỗi nhóm đọc kĩ những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK tương ứng với đề mình chọn.**\*HĐ2: Trao đổi trong nhóm**- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm mảnh ghép. HS dựa vào những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK để thực hiện. \**Lưu ý*+ Đối với đề 1: GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến về tính cách của các nhân vật trong một câu chuyện đã học ở Bài 3 (*Chiếc ví, Một người chính trực, Những hạt thóc giống –* những câu chuyện về tính trung thực). VD: Cậu bé Chôm, nhà vua, các nhân vật khác trong truyện *Những hạt thóc giống.*+ Đối với đề 2: GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến cá nhân về biểu hiện của tính trung thực trong học tập và đời sống.- GV hướng dẫn HS đọc những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK.- HS thực hiện yêu cầu của 2 đề theo nhóm (sử dụng kĩ thuật mảnh ghép)- GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài nói của nhau.**HĐ3: Trao đổi trước lớp**- GV mời đại diện các nhóm trình bày ý kiến của mình trước lớp. GV hướng dẫn HS trình bày nội dung đã chuẩn bị theo các hình thức đa dạng (tranh ảnh, sơ đồ); ghi chép và trả lời CH của các bạn trong lớp.- GV nhắc nhở các HS khác (trong vai người nghe) chú ý nghe bạn trình bày, ghi chép và chuẩn bị CH, sau đó đặt CH giao lưu với bạn, nêu cảm nghĩ về bài trình bày của bạn.- GV nhận xét, khen ngợi và bổ sung thêm ý kiến (nếu cần). | - 2 HS nối tiếp đọc 2 đề. Lớp chú ý theo dõi đọc thầm và nối tiếp nêu đề mình lựa chọn.- HS trong mỗi nhóm đọc kĩ những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK tương ứng với đề mình chọn. - HS hoạt động theo nhóm mảnh ghép: **\*Đề 1:**V1: Thảo luận nhóm chuyên sâu trao đổi về từng nhân vật trong truyện *Những hạt thóc giống*V2: Làm việc theo N mảnh ghép: Trao đổi về tất cả các nhân vậtV3: Chia sẻ trước lớp: TBHT điều hành các bạn chia sẻ. Lớp chú ý nghe bạn trình bày, ghi chép và chuẩn bị CH, sau đó đặt CH giao lưu với bạn, nêu cảm nghĩ về bài trình bày của bạn.**\*Đề 2:** V1: Thảo luận nhóm chuyên sâu trao đổi về tình huống thể hiện cách ứng xử trung thực và TH thể hiện cách ứng xử không trung thựcV2: Làm việc theo N mảnh ghép: Trao đổi về cả hai loại tình huống; V3: Chia sẻ trước lớp: TBHT điều hành các bạn chia sẻ. Lớp chú ý nghe bạn trình bày, ghi chép và chuẩn bị CH, sau đó đặt CH giao lưu với bạn, nêu cảm nghĩ về bài trình bày của bạn.- Lắng nghe để rút kinh nghiệm.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** ( 5 phút) |
| - Hỏi: Qua tiết học hôm nay, em đã biết thêm điều gì? Và em đã làm được những gì?- GV nhắc HS những điều cần lưu khi trao đổi ý kiến với bạn bè, cô giáo, người thân. - GV nhận xét tiết học và hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài sau. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**THỨ TƯ NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2024**

**Môn: HĐTN**

**Tên bài: NIỀM TỰ HÀO CỦA EM Số tiết CT: 17**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.

- Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động (5p)**- GV mở cho học sinh nghe một video về việc tốt của bạn nhỏ: Cậu bé "người tốt, việc tốt" nhỏ tuổi. - GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?* - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.- GV nhận xét, chốt đáp án*: Video đã cho thấy mỗi bạn nhỏ chúng ta ai cũng có tài năng hay điều mà các em đáng tự hào về bản thân.* - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Video mở đầu cho học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 6 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Niềm tự hào của em.*****2. Hình thành kiến thức mới (25p)****Hoạt động 1: Cùng chơi Vòng quay tự hào**- GV nhắc nhở HS chuẩn bị giấy, bìa cứng, bút, bút màu, hồ dán, kéo,...- GV chuẩn bị vòng quay có tên HS được thiết kế trên máy tính hoặc vòng quay trên giấy bìa có ghi tên HS trong lớp, mũi tên có thể xoay chuyển được. - GV giới thiệu trò chơi Vòng quay tự hào và phổ biến cách chơi+ Trên bảng là một vòng tròn quay có tên các bạn trong lớp và mũi tên bên cạnh.’+ HS quay mũi tên vòng tròn, khi mũi tên dừng ở tên bạn nào, bạn đó sẽ đứng lên chia sẻ một việc làm đáng tự hào của bản thân.+ Sau khi bạn đi chia sẻ xong, vòng quay sẽ tiếp tục quay để lần lượt tìm ra các bạn tiếp theo đứng lên chia sẻ.- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Vòng quay tự hào.* - GV mời 1 số HS chia sẻ cảm nghĩ về những việc làm đáng tự hào của các bạn trong lớp và cảm xúc sau khi tham gia trò chơi. - GV tổng kết hoạt động và đưa kết luận: ***Hằng ngày mỗi chúng ta đều cố gắng thực hiện các việc làm tốt khác nhau. Chia sẻ việc làm đáng tự hào của bản thân sẽ giúp chúng ta có nhiều niềm vui và thêm động lực để làm nhiều việc tốt khác.*** **Hoạt động 2: Sáng tạo tác phẩm niềm tự hào của tôi.** - GV hướng dẫn HS sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi theo gợi ý sau: *+ Suy nghĩ về ý tưởng thể hiện tác phẩm có nội dung giới thiệu những việc làm đáng tự hào của bản thân.* *+ Lựa chọn hình thức phù hợp: viết, vẽ cắt, dán,...**+ HS lựa chọn ý tưởng và tiến hành sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi.* - GV tổ chức cho HS giới thiệu tác phẩm của mình trước lớp. - GV mời một số HS bày tỏ cảm nghĩ về tác phẩm sáng tạo mình ấn tượng nhất. - GV mời một số HS chia sẻ dự kiến phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân trong thời gian tới. - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận:***Tác phẩm niềm tự hào của tôi là một bảng ghi nhận những việc làm tốt mà các em đã làm. Hãy tiếp tục phát huy những việc làm tốt trong cuộc sống hàng ngày để các em luôn cảm thấy tự hào về bản thân mình nhé!*** **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5p)**- GV hướng dẫn HS phát huy việc làm đáng tự hào của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- GV nhắc nhở HS:+ Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.+ Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS quan sát video về việc làm đáng tự hào của bạn nhỏ. - HS lắng nghe câu hỏi.- HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe và tiếp thu. - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học. - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.- HS quan sát vòng quay. - HS lắng nghe. - HS tham gia trò chơi. - HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe hướng dẫn.- HS chia sẻ các tác phẩm trước lớp. - HS nêu cảm nghĩ về tác phẩm sáng tạo nhất. - HS chia sẻ dự kiến phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân trong thời gian tới. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.- HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Toán Số tiết CT: 28**

**Tên bài: GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

*- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Biết dùng ê ke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

+ Kẻ thêm một đoạn thẳng trên giấy kẻ ô li để tạo được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Liên hệ với thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các hình ảnh góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong các tình huống thực tế

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Nhạc khởi động; kéo; mặt đồng hồ; ê ke, các tấm bìa có vẽ sẵn các góc nhọn, góc tù, góc bẹt như SGK

- HS: Thước kẻ, ê ke.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu : (5p)*** |
| - GV cho HS nhảy vũ điệu rửa tay. - YC HS quan sát tranh. H: Tranh vẽ gì? - GV: Ở lớp 3 các con đã được biết về góc vuông và góc không vuông. Mỗi góc không vuông có tên gọi như thế nào? Cô cùng các em sẽ tìm hiểu qua bài ***Góc nhọn, góc tù, góc bẹt*** | - HS nhảy vũ điệu rửa tay- Quan sát tranh- Hai bạn nhỏ chơi xếp hình với những que tính. Trên mặt bàn có cây kéo, phía sau có đồng hồ treo tường. Bạn nữ hỏi: Trong những góc vừa ghép, góc nào là góc vuông? Góc nào là góc không vuông? - 1 HS lên bảng chỉ đâu là góc vuông, đâu là góc không vuông. Lớp nhận xét. - Lắng nghe. |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10p)***  |
| - GV giới thiệu góc nhọn: Độ mở của hai mũi kéo tạo thành 1 góc gọi là góc nhọn. - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc nhọn. + Đặt góc vuông ê ke để kiểm tra, con thấy góc nhọn lớn hơn, bé hơn hay bằng góc vuông? + YC HS vẽ 1 góc nhọn vào giấy nháp. - GV giới thiệu góc tù: Độ mở của hai kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành 1 góc gọi là góc tù. - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc tù. + Đặt góc vuông ê ke để kiểm tra, con thấy góc tù lớn hơn, bé hơn hay bằng góc vuông? + YC HS vẽ 1 góc tù vào giấy nháp. - GV giới thiệu góc bẹt: Đặt ép chặt trang vở trên bàn. Độ mở của hai cạnh vìa vở tạo thành 1 góc gọi là góc bẹt. - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc bẹt. + HD HS đặt 2 góc vuông ê ke để kiểm tra. Con thấy góc bẹt như thế nào so với góc vuông? + YC HS vẽ 1 góc bẹt vào giấy nháp. - GV đưa ra một số hình ảnh khác về góc nhọn, góc tù, góc bẹt, YC HS nhận dạng. H: Góc tù lớn hơn góc vuông và như thế nào so với góc bẹt?  | - Quan sát, lắng nghe. + Góc nhọn bé hơn góc vuông.- HS thực hiện.- Lắng nghe.- Quan sát, lắng nghe. + Góc tù lớn hơn góc vuông.- HS thực hiện.- Lắng nghe.- Quan sát, lắng nghe. - Thực hành đặt góc vuông ê ke để kiểm tra. Nêu nhận xét: Góc bẹt bằng 2 góc vuông.- HS nối tiếp nhắc lại.- HS nhận dạng góc theo yêu cầu của GV- Góc tù lớn hơn góc vuông và bé hơn góc bẹt. - Nối tiếp nhắc lại đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13p)*** |
| **Bài 1:** GV gọi HS đọc yêu cầu- YC HS thực hiện theo nhóm đôi, tg 3 phút: Cảm nhận bằng mắt, dùng eke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt- Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả. - GV chốt kết quả đúng. Nhận xét kết quả hoạt động nhóm. **Bài 2.** GV gọi HS đọc yêu cầu- YC HS thực hiện theo nhóm đôi, tg 3 phút.- Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả. - GV chốt kết quả đúng. Nhận xét kết quả hoạt động nhóm. **Bài 3.** GV gọi HS đọc yêu cầu.- GV cho HS quan sát mỗi hình vẽ trong SGK, nhận dạng góc nhọn, góc tù, góc bẹt. - GV nhận xét, tuyên dương. - Cho HS chơi trò chơi: “Tạo hình ảnh của góc” - GV nhận xét, tuyên dương.  | - 1 HS đọc yêu cầu.- Làm việc nhóm đôi: Cảm nhận bằng mắt, dùng eke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt rồi trao đổi kết quả theo cặp. - Báo cáo kết quả, lớp nhận xét, chốt kết quả đúng: a/ và e/- góc nhọn; b/và g- góc tù; c/ góc vuông; d/ góc bẹt. - Nối tiếp nhắc lại đặc điểm nhận dạng góc. - 1 HS đọc yêu cầu.- Làm việc nhóm đôi: vẽ thêm 1 đoạn thẳng để được các góc theo yêu cầu rồi trao đổi kết quả theo cặp. - Chia sẻ kết quả trước lớp. Lớp nhận xét, chốt kết quả đúng. - 1 HS đọc yêu cầu.- Làm việc cá nhân, quan sát và nối tiếp nêu kết quả. - Lớp nhận xét, chốt câu trả lời đúng: a) Góc bẹt; b) góc nhọn; c) góc vuông; d) góc tù. - Chơi trò chơi: Nối tiếp từng cặp 2 bạn lên trước lớp, 1 bạn dùng cánh tay, khuỷu tay để tạo hình ảnh của góc nhọn, góc tù, góc bẹt. 1 bạn khác gọi tên góc và chỉ ra đỉnh và cạnh của góc. - Lớp nhận xét, bình chọn cặp bạn thể hiện trò chơi xuất sắc nhất. |
| ***4. Hoạt động vận dụng : ( 5p)*** |
| **Bài 4.** GV gọi HS đọc yêu cầu.- YC HS hoạt động nhóm 4, liên hệ chỉ ra các hình ảnh của các góc nhọn, góc tù, góc bẹt.- GV nhận xét, tuyên dương kết quả hoạt động nhóm. **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp: ( 2p)**H: Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Thuật ngữ nào cần chú ý? H: Để vẽ được góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt, em nhắn bạn điều gì? - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.- Dặn HS chuẩn bị thước đo góc, mô hình đồng hồ | - 1 HS đọc yêu cầu.- Hoạt động nhóm 4, chỉ ra các hình ảnh của các góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Ví dụ: + Ở hình ảnh trên kim giờ và kim phút tạo thành các góc lần lượt là: góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.- Đại diện nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.- Em nhận dạng và biết đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt. - Nhớ được nhận dạng và đặc điểm của mỗi góc và chịu khó thực hành để sử dụng thành thạo thước thẳng, ê ke để vẽ góc.- Lắng nghe để thực hiện  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

**Môn: Tiếng Việt Số tiết CT: 40**

**Tên bài: Bài đọc 4 : NHỮNG CHÚ BÉ GIÀU TRÍ TƯỞNG TƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ bị sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng/phút. Đọc thẩm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu được nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu được ý nghĩa của bài: phân biệt được thói quen tán dóc vui vẻ với thói quen dối trá, từ đó chê trách những hành động nói dối, lừa gạt người khác.

- Hiểu được những chi tiết tính cách của các nhân vật, chia sẻ được suy nghĩ của bản thân với mọi người.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài).

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất PC nhân ái, trung thực: Biết yêu thương, chia sẻ; không nói dối, không đổ lỗi cho người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-GV: KHBD, SGK.

-HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** (3 phút) |
| - GV mời 1 bạn lên điều hành KTBC: đọc 1 đoạn và trả lời 1 trong 5 câu hỏi ở SGK (tr.41- 42) *Bài đọc 3: Những hạt thóc giống.*- GV nhận xét và yêu cầu HS quan sát bức tranh ở SGK trang 44 và cho biết: Tranh vẽ những ai? Đang làm gì và trông họ thế nào?- GV chốt ý và dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi dưới sự điều hành của lớp trưởng.- HS quan sát và nêu.- Học sinh lắng nghe, nhắc lại mục bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**(20phút) |
| \* **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**- GV đọc mẫu toàn bài: Giọng đọc thể hiện sự hào hứng, tha thiết.- HD chung cách đọc toàn bài.- GV chia bài thành 4 đoạn cụ thể:+Đoạn 1: *Từ đầu ...* đến *là cậu ngủ mê.*+Đoạn 2: *Tiếp...* đến *Mi-sa và Xa-sa bỏ về*. +Đoạn 3: Tiếp ... đến *mười que kem rồi ấy chứ!*+Đoạn 4: *Tiếp đến* .... *hết.*- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó.*-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4.\*Theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn.- Tổ chức thi đọc trước lớp.- GV nhận xét các nhóm, khen nhóm (bạn) đọc tốt.- Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK *(tán dóc, bẹp rúm, xạo, khoác lác, hết nhẵn).*- Mời 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.**\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**- GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 4 câu hỏi trong SGK. *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép. \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. - GV mời 1 bạn lên điều hành các bạn trình bày, báo cáo kết quả.+ Những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa có gì thú vị?+ Vì sao Mi-sa và Xa-sa bỏ về, không muốn ngồi cùng I-go? + Việc I-go làm có gì khác với trò chơi lán dóc của Mi-sa và Xa-sa? + Theo em, tính cách của Mi-sa và Xa-sa có gì đáng yêu? - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi động viên HS các nhóm và bổ sung (nếu có). - GV hỏi thêm: Qua bài đọc, em hiểu nội dung câu chuyện muốn nói về điều gì?- GV nhận xét, chốt lại: Câu chuyện giúp ta phân biệt được thói quen tán dóc vui vẻ với thói quen dối trá, từ đó chê trách những hành động nói dối, lừa gạt người khác. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.- HS lắng nghe cách đọc.- Theo dõi- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: *Mi-sa, Xa-sa, I-go, I-ra, xe buýt, roạt, bẹp rúm, huỵch, khoác lác…*)- HS luyện đọc theo nhóm 4 (CN – N).- 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.- Lắng nghe.- Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ ngữ khác.VD: *chung cư:* là từ Hán Việt chỉ những khu [nhà](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0) bao gồm nhiều hộ dân sinh sống bên trong các [căn hộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C4%83n_h%E1%BB%99), có hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung…- 1 HS năng khiếu đọc toàn bài. Lớp theo dõi, đọc thầm.- 4 HS đọc tiếp nối 4 câu hỏi; các HS khác theo dõi, đọc thầm theo.- HS nghe và làm việc theo N mảnh ghép:V1: Cá nhân đọc thầm trong SGK theo và trả lời câu hỏi của nhóm mình.V2: Thảo luận nhóm chuyên sâuV3: Làm việc theo N mảnh ghépV4: Chia sẻ trước lớp: 1 HS lên điều hành các bạn chia sẻ. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung.- HS trình bày.+ Đó là những câu chuyện tưởng tượng vui vẻ, dễ thương, mới nghe vô lí nhưng thực ra có lí.+ Vì Mi-sa và Xa-sa thấy nói chuyện với I-go không hợp: Mi-sa và Xa-sa cho rằng họ chỉ tưởng tượng cho vui, không lừa dối ai, nhưng I-go lại coi thường những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa , cho trằng hai bạn khoác lác.+ Những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa là chuyện tưởng tượng cho vui, vô hại, còn việc l-go làm là nói dối, đổ lỗi cho người khác+ Hai cậu bé rất vui tính, rất trung thực và tốt bụng, biết quan tâm, chia sẻ với người khác.- Lắng nghe.- HS suy nghĩ, trả lời theo ý hiểu. VD: Câu chuyện kể về thói quen tán dóc vui vẻ của hai cậu bé Mi-sa và Xa-sa, đồng thời phê phán thói quen dối trá, lừa gạt của I-go.- HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành: Đọc nâng cao** (7 phút).*- Tớ bay ban đêm/ nên* ***không thấy gì****.// Bay* ***mãi****… / bay* ***mãi****… / rồi rơi* ***huỵch*** *xuống đất.**- Nhưng chúng tớ có* ***lừa dối*** *ai đâu ! // Chỉ* ***tưởng tượng*** *thôi, như* ***kể chuyện cổ tích*** *ấy mà.*  |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc phân vai theo nhóm 5.- Tổ chức cho HS thi đọc phân vai giữa các nhóm trước lớp.- GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc phân vai theo N5 (người dẫn chuyện, Mi-sa; Xa-sa, I-go và I-ra).- 2 – 3 nhóm HS thi đọc phân vai trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét nhóm (bạn) đọc và bình chọn nhóm (bạn) đọc tốt nhất.- HS lắng nghe. |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** (5 phút). |
| - Qua bài đọc, em biết thêm điều gì? - Theo em, việc tán dóc có hại không? Vì sao?- Nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.- GDHS: Chúng ta cần phân biệt được thói quen tán dóc vui vẻ với thói quen dối trá. Trong cuộc sống, con người cần có thói quen tán dóc để mang lại sự vui vẻ, tránh căng thẳng cho mình và người khác. Tuyệt đối tránh những hành động nói dối, lừa gạt người khác.- Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Không. Vì việc tán dóc chỉ mang lại sự vui vẻ, thoải mái cho người nói và cả người nghe.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện.- Lắng nghe, thực hiện.- Lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Lịch sử và Địa lí Số tiết CT: 11**

**Tên bài: BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA**

**Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (TIẾT 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

 - Kể tên được một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

 - Nhân xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.

 - Kể được một số cách khai thác tự nhiên (Ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản...)

 - Mô tả được một số lễ hội văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Ví dụ: lề hội Gầu Tao, hát Then, Xòa Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,...)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 - GV: SGK, máy tính, máy chiếu.

- HS: SGK; VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động (5 phút)****-** HS xem video về ruộng bậc thang ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chia sẻ: *Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hóa nào nơi đây?*- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.- GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 4 – Dân cư, hoạt động sản xuất và*** ***một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*****2. Hình thành kiến thức mới (10 phút)****Hoạt động 1: Dân cư**- GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm (4HS/nhóm).- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Đọc thông tin, quan sát hình 1 và thực hiện yêu cầu:**+ Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**+ Nêu tên những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km2 và từ 100 đến 500 người/km2.**+ Nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:*+ Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: Kinh, Mường, Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao…**+ Những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km2: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La.* *Những tỉnh có mật độ dân số từ 100 đến 500 người/km2: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh.**+ Nhận xét về sự phân bố dân cư:* · *Dân cư thưa thớt* · *Phân bố có sự khác nhau giữa miền núi và trung du. Ở những vùng cao thì dân cư thưa hơn các vùng thấp và đô thị.***3. Luyện tập, thực hành (15 phút)**- GV cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh- Ai đúng”- Y/c HS thi nhau kể tên một số dân tộc sinh sống ở miền trung du và miền núi Bắc Bộ. - GV nhận xét, tuyên dương**4. Vận dụng (5 phút)**- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- GV nhắc nhở HS:+ Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chuẩn bị tiết tiếp theo.* | - Xem video.- Chia sẻ.- Lắng nghe.- HS thảo luận nhóm.     - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, đánh giá bổ sung. - HS lắng nghe, tiếp thu.  -HS tham gia chơi.- HS thi kể.- HS nhận xét.- Lắng nghe.- Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy *(nếu có)***

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Môn: Mĩ thuật Số tiết CT :6**

**Tên bài: BÀI 3: NHỮNG VẬT LIỆU KHÁC NHAU ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Năng lực mĩ thuật**

 *Bài học giúp học sinh đạt được một số yêu cầu sau:*

- Nhận biết được bề mặt khác nhau; bước đầu tìm hiểu tác giả và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật có bề mặt khác nhau; biết được cách thực hành tạo bề mặt khác nhau và sáng tạo sản phẩm.

- Tạo được sản phẩm có bề mặt khác nhau và trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm (nội dung, bề mặt khác nhau…) và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

**2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác**

 HS có cơ hội hình thành, phát triển các năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác, như: Ngôn ngữ, tính toán… thông qua: *Trao đổi, chia sẻ; chuẩn bị đồ dùng và sử dụng được công cụ, họa phẩm, vật liệu… phù hợp với hình thức, ý tưởng sáng tạo sản phẩm…*

**3. Phẩm chất**

 Bài học bồi dưỡng ở HS đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm… thông qua một số biểu hiện, như: *Có ý thức chuẩn bị, sưu tầm vật liệu để thực hành; kiên trì thực hiện nhiệm vụ để đạt được yêu cầu của bài học; tôn trọng sáng tạo của bạn bè và người khác; giữ vệ sinh trong thực hành, sáng tạo…*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV:màu vẽ, đất nặn, vỏ trứng, giấy màu, đất nặn, sợi len, kéo, bút chì, hồ dán, tẩy chì, vở thực hành.

- HS:màu vẽ, đất nặn, vỏ trứng, giấy màu, đất nặn, sợi len, kéo, bút chì, hồ dán, tẩy chì, vở thực hành.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Quan sát, nhận biết** *( 5 phút)* |  |
| – Tóm tắt nội dung tiết 1; tổ chức HS quan sát sản phẩm Tr.17-Sgk và sản phẩm tham khảo (tr.18-sgk). Yêu cầu HS trao đổi, giới thiệu:+ Em hãy kể tên một số hình ảnh trong sản phẩm trang 17, 18-sgk?+ Em hãy chỉ ra hình ảnh, chi tiết nào có bề mặt nhẵn, mền, xù xì ở sản phẩm trang 17, 18? – Đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét… của HS; Tóm tắt nội dung quan sát: Trên một sản phẩm có thể kết hợp nhiều vật liệu có bề mặt, màu sắc khác nhau. Gợi mở nội dung thực hành | Hs lắng ngheHs giới thiệu sản phẩm trong sgkHs lắng nghe |
| **2. Thực hành, sáng tạo** *( 22 phút):*  |  |
| ***2.1. Tổ chức Hs tìm hiểu cách tạo sản phẩm kết hợp nhiều vật liệu (tr.17sgk)***– Yêu cầu Hs quan sát, trả lơi câu hỏi:+ Em hãy nêu một số vật liệu cân chuẩn bị để tạo sản phẩm “bờ ao”+ Em hãy nêu các bước thực hành tạo sản phẩm? – Đánh giá nội dung trả lời, chia sẻ, bổ sung của HS; hướng dẫn thực hành một số chi tiết, hình ảnh, như: lá cây, đất, nước…***2.2. Tổ chức Hs thực hành tạo sản phẩm nhóm***– Giao nhiệm vụ: Tạo sản phẩm có bề mặt khác nhau theo ý thích – Gợi ý HS làm việc nhóm: Thảo luận chọn hình ảnh thể hiện (ao cá, vườn cây, bể cá, con đường,…); xác định một số hình ảnh cần thể hiện và phân công mỗi cá nhân đảm nhận tạo một hình ảnh cụ thể; sắp xếp, kết hợp các hình sản phẩm cá nhân tạo sản phẩm nhóm.– Gợi ý HS có thể sử dụng vật liệu: giấy, bìa giấy, sỏi, các loại hạt, sợi len, sợi đay, bông,… và tham khảo một số sản phẩm khác trong SGK, vở Thực hành. – Đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS.  | *Hs quan sát*Hs lắng nghe*Hs thực hành nhóm**Hs quan sát* |
| **3. Cảm nhận, chia sẻ** *( 5 phút):* |  |
| – Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và quan sát, trả lời câu hỏi. VD: + Tên sản phẩm của nhóm em là gì?  + Nhóm em đã sử dụng những vật liệu nào để thực hành tạo sản phẩm?  + Em hãy chỉ ra hình ảnh hoặc chi tiết nào có bề mặt nhẵn, trơn, xù xì, ghồ, ghề… trên sản phẩm của nhóm?...– Gv nhận xét, đánh giá: Kết quả thực hành, hoạt động trao đổi, chia sẻ… của cá nhân và nhóm HS | Hs trung bày sản phẩm.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng** *( 3 phút)* |  |
| – GV tổ chức Hs quan sát, trả lời câu hỏi:+ Mỗi sản phẩm có những hình ảnh nào?+ Trên mỗi sản phẩm có hình ảnh, chi tiết nào nhẵn hoặc, trơn, xù xì hoặc thô ráp?– GV tổng kết bài học, hướng dẫn HS chuẩn bị bài 4.  | Hs quan sátHs lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

**Môn: Đạo đức Số tiết CT: 6**

**Tên bài: BÀI 3: EM NHẬN BIẾT SỰ CẢM THÔNG,**

 **GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức :**  *HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.

\*GDHS : Phẩm chất nhân ái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV :KHBD, Tranh, hình ảnh về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- HS :SGK, Tranh ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động : ( 5 phút )** - GV nêu tên trò chơi: *Bịt mắt tìm đồ vật.*- GV hướng dẫn luật chơi:*+ GV mời 2 - 4 em HS tham gia trò chơi.*- GV đặt câu hỏi cho HS sau khi hoàn thành trò chơi: - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV nhận xét và chốt đáp án: - GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 1: Em nhận biết sự cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn ( tiết 2)*****2. Hình thành kiến thức mới (25 phút)****Hoạt động1 : Luyện tập*****Bài tập 1: Nhận xét hành động của các bạn trong tình huống***- GV chia lớp thành các nhóm học tập.- GV hướng dẫn HS đọc và trả lời câu hỏi: - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.***Bài tập 2: Đưa ra lời khuyên***- GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và đưa ra lời khuyên phù hợp.- GV cho HS thời gian để tìm ra lời khuyên phù hợp.- GV mời 2 – 4 HS đưa ra lời khuyên cho tình huống. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV nhận xét, rút ra những lời khuyên phù hợp.***Bài tập 3: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi***- GV chia lớp thành các nhóm học tập.- GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:- GV đại diện các nhóm đưa ra cách ứng xử phù hợp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV nhận xét, rút ra những cách ứng xử phù hợp**Hoạt động 2 : vận dụng** - GV hướng dẫn HS liệt kê các biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn đã được học.- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về tấm gương biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. - GV nhận xét, động viên HS tích cực thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.- GV gợi ý cho HS câu chuyện về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.\*GDHS : Phẩm chất nhân ái.**3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, - GV dặn dò HS đọc trước *Bài 4 – Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người khó khăn* (SHS tr.18). | - HS chơi trò chơi.- HS lắng nghe GV hướng dẫn luật chơi.- HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.- HS trả lời câu hỏi.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS lắng nghe, tiếp thu vào bài mới.- HS chia nhóm.- Đại diện nhóm trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS đọc.- HS làm việc theo nhóm.- HS đọc các ý kiến.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS chia nhóm.- HS đọc các ý kiến.- Đại diện nhóm trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe.- HS chia sẻ.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**THỨ NĂM NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2024**

**Môn: Tiếng Việt Số tiết CT: 41**

**Tên bài: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ NHÂN HOÁ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Nhận biết biện pháp nhân nhân hoá trong các bài thơ, đoạn văn,… Viết được các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hoá.

- Nhận biết tác dụng của biện pháp nhân hoá trong việc tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Biết cách sử dụng từ ngữ nhân hoá một cách gợi tả, giàu hình ảnh.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và tác: Biết thảo luận nhóm về nội dung và cách sử dụng biện pháp hoá; NL tự chủ và tự học: tự làm BT.

**3. Phẩm chất.**

- Bồi dưỡng PC nhân hoá: Phát hiện ra những điều thú vị về sự vật, tả những điều thú vị đó với tình cảm yêu mến.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: KHBD, SGK, Phiếu BT cho HĐ1 phần Luyện tập.

-HS: SGK, VBT TV4-Tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** (5 phút) |
| - GV mở Video Bài hát *Bé và ông Mặt Trời - Quỳnh My | Nhạc Thiếu Nhi Vui Nhộn* cho HS nghe hát và vận động theo nhạc.- Bài hát nói về điều gì?- Trong bài hát đó có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?- Nhân hoá là gì? Có mấy kiểu nhân hoá đã học?- GV nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài mới. | - HS nghe hát kết hợp vận động theo nhạc.- HS trả lời: Bài hát nói Bé và ông Mặt trời. Ông mặt trời trong bài hát rất đáng yêu.- Biện pháp nhân hoá.- HS nối tiếp trả lời.- HS lắng nghe, ghi mục bài vào vở. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành**(25 phút) |
| \* **Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp nhân hoá trong bài thơ *Ông Mặt Trời óng ánh (BT1)***- GV mời 1 – 2 HS đọc BT1.a) Sự vật nào được nhân hoá trong bài thơ?b) Sự vật đó được nhân hoá bằng cách nào?- Giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài thơ *Ông Mặt Trời óng ánh,* thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi của BT1. (GV phát bút dạ, phiếu lớn cho 1 nhóm).- GV theo dõi các nhóm hoạt động và hỗ trợ nhóm (HS) gặp khó khăn.- Mời đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận.- Nhận xét, chốt ý đúng.**\* Hoạt động 2: Xác định kiểu nhân hoá trong một số đoạn văn, đoạn thơ (BT2)**- GV mời HS đọc to thông tin về 3 kiểu nhân hoá (được đóng khung ở đầu BT2). - Mời 3 HS đọc to 3 đoạn văn, đoạn thơ trong BT2.- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi: tìm ra các từ ngữ nhân hoá trong 3 đoạn văn, đoạn thơ, xác định kiểu nhân hoá được sử dụng.**\*Lưu ý:** GV giải thích cho HS về nhân vật *chọi* trong đoạn văn (*gà chọi là loại gà trống chân cao, da đỏ, cựa lớn, nuôi để chơi chọi gà; trong đoạn văn, chọi là một chú gà mới lớn).***-** Mời đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận.- Nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và chốt đáp án đúng.a) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*cậu gà ri, chị gà, bác ngan, thím vịt, chọi ta);* tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*te tái chạy, dẫn đầu*).b) 2 kiểu nhân hoá: tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*trăng trốn vào sau mây; cỏ cây buồn, khóc mưa thút thít; trái bòng chẳng thiết, nằm ườn; quả na lặng câm, mắt nhìn xa vắng*); nói với sự vật thân mật như nói với người (*Bắt đền trăng đấy”*).c) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*cô sách giáo khoa, hộp chữ chúng tôi, chúng nó);* tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*cô sách giáo khoa nói, không còn biết trả lời thế nào; hộp chữ xôn xao hẳn lên, (*chữ) *reo nhảy mừng rỡ, tranh nhau hỏi hết câu này đến câu khác)***HĐ3: Viết 3 câu tả đồ vật hoặc con vật, cây cối có hình ảnh nhân hoá (BT3)**- Mời 1 HS đọc to ND, yêu cầu BT3.- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, từ viết 3 câu tả đồ vật, con vật, cây cối có hình ảnh nhân hoá. - GV mời vài HS đọc to câu văn đã viết trước lớp.-GV yêu cầu các HS khác trong lớp nhận xét về cầu văn của bạn. GV hướng dẫn HS nhận ra sự vật được nhận hoá, từ ngữ nhân hoá và kiểu nhân hoá trong các câu văn đó.\*Lưu ý: HS có thể viết 3 câu rời, không nhất thiết phải viết thành các câu liên kết như ví dụ trên đây.- GV nhận xét, khen ngợi những bạn viết được câu văn có hình ảnh nhân hoá theo yêu cầu. | - 1 – 2 HS đọc BT1. Lớp lắng nghe kết hợp theo dõi đọc thầm trong SGK.- Hoạt động nhóm 4:+ HS làm việc cá nhân, làm vào VBT; 1 bạn làm vào phiếu lớn.+ Thảo luận, thống nhất kết quả làm việc trong nhóm 4.+ Báo cáo kết quả làm việc trước lớp (Phiếu lớn). Các nhóm khác đối chiếu, nhận xét và bổ sung (nếu có).*\*Dự kiến kết quả chia sẻ:*a) Sự vật được nhân hoá trong bài thơ là Mặt Trời.b) Mặt Trời được nhân hoá bằng 3 cách: Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*ông Mặt Trời*). Tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*Ông Mặt Trời nhíu mắt, cười).* Nói với sự vật thân mật như nói với người (“*Ông ở trên cao nhé! Cháu ở dưới này thôi!”).*- HS lắng nghe.- 1-2 HS đọc to thông tin về 3 kiểu nhân hoá. Các HS khác đọc thầm theo.- 3 HS nối tiếp đọc to 3 đoạn văn, đoạn thơ trong BT2, lớp theo dõi đọc thầm.- Thảo luận cặp đôi để thống nhất kết quả. - 1-2 cặp lên hỏi đáp để trình bày KQ làm việc. Lớp nhận xét, bổ sung (nếu có)- HS lắng nghe.- 1 HS đọc to, lớp theo dõi, đọc thầm.- HS làm bài cá nhân vào vở.- Nối tiếp chia sẻ câu văn mình đã viết trước lớp. - Các bạn lắng nghe, nhận xét và bổ sung (theo hướng dẫn, nếu cần).\* VD*: Cậu bút chì này thật là tinh nghịch. Em muốn kẻ đường thẳng,cậu ta lại nhảy nhót, thè lưỡi trêu em và lượn một vòng tròn. Em bực mình nói thầm: “Này bút chì, nghịch vừa thôi, vào hộp nhé!”.*- Lắng nghe  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** (5 phút). |
| - Nêu những điều em biết về biện pháp nhân hoá? - Việc sử dụng biện pháp nhân hoá trong viết văn có tác dụng gì?- Nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.- GV nhắc HS cần viết câu văn có hình ảnh nhân hoá trong viết văn, đặc biệt là văn miêu tả, văn kể chuyện để tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn người đọc.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện.- Lắng nghe.- Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………………....…………………………………………………………………………………*

**Môn: Toán Số tiết CT: 29**

**Tên bài: ĐƠN VỊ ĐO GÓC. ĐỘ (°) (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về đại lượng đo góc, nhận biết được mỗi góc có một số đo. Biết được đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o. Nhận biết được góc vuông có số đo là 90o ; góc bẹt có số đo là 180o.

*- Năng lực Giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Làm quen với thước đo góc, sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đon vị đo độ.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Nêu được cách dùng thước đo góc.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về cách dùng thước đo góc*.*

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc với độ lớn khác nhau trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Thước đo góc, mô hình các góc với các số đo 180o; 120o; 90o; 60o.

 Bảng phụ vẽ các góc bài tập 1.

- HS: Thước đo góc

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: ( 3p)***  |
| - Cho HS chơi trò chơi: “Tạo hình ảnh của góc” - Nêu đặc điểm của mỗi góc? Em nhận biết bằng dụng cụ gì? - Làm thế nào để biết được góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn mà không cần dùng ê ke, cô trò mình sẽ tìm cách đo độ lớn các góc qua bài: ***Đơn vị đo góc. Độ (°)*** | - Chơi trò chơi: Nối tiếp từng cặp 2 bạn lên trước lớp, 1 bạn dùng cánh tay, khuỷu tay để tạo hình ảnh của góc nhọn, góc tù, góc bẹt. 1 bạn khác gọi tên góc và chỉ ra đỉnh và cạnh của góc. - Lớp nhận xét, bình chọn cặp bạn thể hiện trò chơi xuất sắc nhất.- HS nối tiếp nêu đặc điểm góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Nhận biết bằng ê ke |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới : (10p)*** |
| *2.1. Hình thành biểu tượng về độ lớn của góc:* - Cho HS quan sát hình ảnh 1 góc, gọi tên góc. - GV vạch đường cong từ cạnh này đến cạnh kia và giới thiệu về độ lớn của góc. *2.2. Giới thiệu thước đo góc*. - GV cho HS quan sát thước đo góc. - Yêu cầu HS quan sát và nêu đặc điểm nhận dạng thước đo góc. - GV: + Để đo góc, người ta dùng thước đo góc như thế này. Đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o, đọc là “độ”. + (chỉ và giới thiệu) Người ta chia góc một góc vuông thành 90 phần bằng nhau, mỗi phần là 1 độ, kí hiệu là 1o. Các số trên thước cho ta biết số đo góc nào đó ứng với đơn vị độ. VD 90o; 180o. Số đo góc vuông là 90o; Số đo góc bẹt là 180o; Như vậy, mỗi góc có một số đo.  | - HS thực hiện gọi tên góc. - HS quan sát- HS chỉ và nêu độ lớn của của một số góc tiếp theo. - HS quan sát, lấy thước đo góc trong bộ đồ dùng. - Thước đo góc có hình dạng một nửa hình tròn; các vạch nửa hình tròn nhỏ và lớn, các vạch kẻ và có các số từ 0 đến 180 (gắn với vạch nửa hình tròn nhỏ tính từ phải sang) và ngược lại (gắn với vạch nửa hình tròn lớn tính từ trái sang)- HS quan sát kết hợp lắng nghe. - HS nối tiếp đọc một vài số đo góc vuông, góc bẹt....VD: Góc đỉnh I, cạnh IB; IA có số đo là 60o.  |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành: (15p)*** |
| **Bài 1**. GV gọi HS đọc yêu cầu, quan sát hình minh họa. - Gv HD mẫu: Để đo một góc bằng thước đo góc, ta đặt thước sao cho tâm của thước trùng với đỉnh của góc và một cạnh của góc đi qua vạch số 0 trên thước. Cạnh kia đi qua vạch nào thì đó là số đo của góc.- YC HS hoạt động cá nhân- Nhận xét chốt kết quả đúngH: Em có nhận xét gì về số đo góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông? GVKL: Góc nào có số đo lớn hơn thì lớn hơn**Bài 2.** GV gọi HS đọc yêu cầu.- YC HS hoạt động nhóm đôi, quan sát từng hình trong sách.- Nhận xét chốt kết quả đúng**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (2p)**H: Qua tiết học này em biết thêm điều gì? H: Để đo được độ lớn của góc, em nhắn bạn điều gì? - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc và sự thay đổi độ lớn của góc. | - HS đọc yêu cầu, quan sát hình minh họa.- HS quan sát mẫu, làm theo. - HS thực hành đo góc và đọc số đo góc. - Nối tiếp nêu kết quả, lớp nhận xét, bổ sung. Đáp án: Góc đỉnh M, cạnh DC; DE có số đo là 60oGóc đỉnh D, cạnh DC; DE có số đo là 120oGóc đỉnh O, cạnh OB; OA có số đo là 90oGóc đỉnh H, cạnh HG; HK có số đo là 180o- Góc nhọn là góc có số đo bé hơn 90o, góc tù là góc có số đo lớn hơn 90o, góc bẹt là góc có số đo bằng 180o, góc vuông là góc có số đo bằng 90o.- HS đọc yêu cầu. - Hoạt động nhóm đôi: Nhận biết đỉnh, cạnh từng góc. Dùng thước đo góc để đo và ghi lại số đo của góc- Nối tiếp chia sẻ kết quả trước lớp- Nhận xét, bổ sungGóc đỉnh H, cạnh HI; HG có số đo là ...........oGóc đỉnh L, cạnh LM; LK có số đo là .........0oGóc đỉnh Y, cạnh YX; YZ có số đo là 180oGóc đỉnh Q, cạnh QP; QR có số đo là 90o.- Biết cách sử dụng thước đo góc; biết đặc điểm độ lớn của góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt.- Tích cực thực hành sử dụng thước đo góc cho thành thạo.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

**Môn học: Lịch sử và Địa lí Số tiết CT: 12**

**Tên bài: BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA**

**Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nêu được một số cách thức sản xuất và khai thác tự nhiên của dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản.

- Lí giải được vì sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại có những cách thức sản xuất và khai thác tự nhiên đó.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, máy tính, máy chiếu ( nếu có). Tranh ảnh, tài liệu sưu tầm về văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động (5 phút)**-Cho HS kể lại tên một số dân tộc ở trung du và miền núi Bắc Bộ.- GV giới thiệu bài.**2. Hình thành kiến thức mới (10 phút)****Hoạt động 1: Hoạt động sản xuất**- GV chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ học tập).- GV phân chia nhiệm vụ cho từng nhóm:**+ Nhóm 1, 4: Tìm hiểu về hoạt động làm ruộng bậc thang.** · Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu? Người dân làm ruộng bậc thang như thế nào? · Người dân thường trồng cây gì trên ruộng bậc thang?**+ Nhóm 2, 5: Tìm hiểu về hoạt động xây dựng các công trình thủy điện.** · Nêu cách khai thác sức nước để sản xuất điện. · Tìm và chỉ hai nhà máy thủy điện Hòa Bình và Sơn La trên hình 1 bài 3. Chia sẻ những thông tin em biết về hai nhà máy thủy điện này.**+ Nhóm 3, 6: Tìm hiểu về hoạt động khai thác khoáng sản**. · Tìm và chỉ vị trí các mỏ: than đá, sắt, đồng, thiếc, a-pa-tit trên hình 1 bài 3. · Khai thác khoáng sản ở mỏ lộ thiên khác với khai thác khoáng sản trong hầm lò như thế nào?- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm làm cùng nội dung nhận xét, bổ sung (nếu có)- GV nhận xét, đánh giá và kết luận: \* Làm ruộng bậc thang thường được làm ở sườn núi, sườn đồi có nguồn nước từ khe suối, có khả năng tạo mặt bằng, ít sỏi đá. Người dân làm ruộng bậc thang bằng cách san thành các mặt bằng ruộng nối tiếp nhau như bậc thang và làm bờ để giữ nước, chặn đất khỏi bị xói mòn. Người dân thường trồng lúa nước trên ruộng bậc thang. \* Xây dựng các công trình thủy điện Cách khai thác sức nước để sản xuất điện: đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ lớn và dùng sức nước chảy từ trên cao xuống để chạy tua-bin sản xuất điện.\* GV mở rộng kiến thức:· Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng tại tỉnh Hòa Bình, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 1994; có công dụng: phòng chống lũ lụt, phát điện, cung cấp nước tưới tiêu, phục vụ giao thông vận tải.· Nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng tại tỉnh Sơn La, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 2012, là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam. \* Khai thác thoáng sản Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nhiều loại khoảng sản nhất nước ta. Các hình thức khai thác: · Với mỏ lộ thiên: chỉ cần bóc đi lớp đất, đá bên trên là lấy được khoáng sản. · Với khai thác khoáng sản trong hầm lò: rất vất vả và nguy hiểm, cần có biện pháp để bảo đảm an toàn cho công nhân.- GV đặt tiếp câu hỏi cho chung cả lớp: Tại sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại phát triển các hoạt động sản xuất như làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện và khai thác khoáng sản?- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các bạn khác nhận xét, bổ sung (nếu có). \*GV nhận xét và kết luận:Vì vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình dốc, sông dốc và nhiều nước và là nơi có nhiều khoáng sản nhất nước ta nên có những điều kiện thuận lợi để hình thành nên các hoạt động sản xuất trên.**3. Luyện tập thực hành (15 phút)**- GV chia lớp thành nhóm 4HS, y/c HS thảo luận và TLCH:+ Tại sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản?- GV nhận xét, tuyên dương**4. Vận dụng (5 phút)**- Bạn Hoa và bạn Minh đang tranh luận về ảnh hưởng của việc xây dựng các công trình thủy điện đối với đời sống và sản xuất. Bạn Hoa nói: “Đắp đập ngăn sông để làm thủy điện đem lại nhiều lợi ích cho đời sống và sản xuất”. Bạn Minh nói: “Tớ lại nghĩ, làm thủy điện không chỉ mang lại lợi ích mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh”. Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Hãy nêu ví dụ để bảo vệ ý kiến của mình.- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS kể.- Lắng nghe.- HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).- HS lắng nghe, tiếp thu.-HS trả lời-nx-HS thảo luận trả lời- Trình bày ý kiến.- Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy *(nếu có)***

........................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Môn: Công nghệ Số tiết CT : 6**

 **Tên bài: BÀI 3: MỘT SỐ LOẠI CÂY CẢNH PHỔ BIẾN (Tiết 2)**

**I.** **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức,kĩ năng:**

Sau bài học này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được một số loại cây cảnh phổ biến.

**2. Năng lực**

 **-** Năng lực tự chủ, tự học: Tự tìm hiểu, mô tả được đặc điểm một số loại cây cảnh ở trường học, gia đình hoặc địa phương.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Giới thiệu được với bạn bè, người thân một số loại cây cảnh phổ biến ở địa phương.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức tìm hiểu về các loại cây cảnh trong đời sống.

- Trách nhiệm: Yêu thích cây cảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án PPT. Hình ảnh hoặc mẫu vật về một số cây cảnh: cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim phát tài, cây thiết mộc lan. Video giới thiệu về cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim phát tài, cây thiết mộc lan. Thẻ tên, hình ảnh, đặc điểm cơ bản của 4 loại cây cảnh trong bài học.

- HS: SGK, SBT, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động: 5p**- GV tổ chức trò chơi **Thi kể,** yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Kể tên một số loại cây cảnh thường được trồng ở trường học, gia đình hoặc khu vực sinh sống.- GV đặt câu hỏi: Những cây cảnh này có đặc điểm như thế nào? Có vai trò gì?- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:+ Một số loại cây cảnh thường được trồng ở trường học, gia đình, khu vực em ở là: Cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim tiền, cây thiết mộc lan, cây vạn niên thanh, cây trầu bà, cây lộc vừng.- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 3 – Một số loại cây cảnh phổ biến.****2. Hình thành kiến thức mới : 15p****Hoạt động 3: Tìm hiểu về cây kim phát tài**- GV chia HS thành các nhóm (4 – 6 HS/nhóm).- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Thảo luận, quan sát thông tin mục 3 kết hợp hình ảnh SGK trang 13 và cho biết: Mô tả đặc điểm của cây kim phát tài.- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung cho bạn (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:+ Cây thân thảo.+ Thân ngắn, phình to ở phía gốc cây, mọng nước.+ Lá hình bầu dục, màu xanh sẫm và bóng.+ Cây xanh tốt quanh năm.- GV trình chiếu cho HS quan sát video về đặc ý nghĩa của cây kim phát tài: - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: + Cây kim phát tài còn có tên gọi là gì?+ Cây kim phát tài có ý nghĩa gì?- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung cho bạn (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:+ Tên gọi khác: cây kim tiền.+ Ý nghĩa: mang lại sự thịnh vượng, may mắn,...**Hoạt động 4: Tìm hiểu về cây thiết mộc lan**- GV chia HS thành các nhóm (4 – 6 HS/nhóm).- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Thảo luận, quan sát thông tin mục 4 kết hợp hình ảnh SGK trang 14 và cho biết: Mô tả đặc điểm của cây thiết mộc lan.- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung cho bạn (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:+ Loại cây gỗ nhỏ, thẳng.+ Lá dài, màu xanh sẫm hoặc có sọc màu vàng ở giữa lá.- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: + Cây thiết mộc lan còn có tên gọi là gì?+ Cây thiết mộc lan có ý nghĩa gì?- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung cho bạn (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:+ Tên gọi khác: cây phát tài, cây phất dụ thơm.+ Tác dụng: thanh lọc không khí.+ Ý nghĩa: mang lại sự may mắn, tài lộc, hạnh phúc, sức khỏe,...- GV trình chiếu cho HS quan sát video về đặc điểm, tác dụng của cây thiết mộc lan: **3. Luyện tập, thực hành: 10p****Nhiệm vụ 1: Chơi trò chơi Ai ghép đúng?**- GV chia HS thành các nhóm nhỏ (3 – 4 HS/nhóm).- GV phát thẻ tên và ảnh 4 loại cây cảnh đã học, yêu cầu HS ghép các thẻ tên loại cây với hình ảnh tương ứng của 4 loại cây cảnh đã học.- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét chéo kết quả làm của các nhóm.- GV nhận xét, đánh giá, kết luận: Nối 1 - C, 2 - A, 3 - D, 4 - B.**Nhiệm vụ 2: Chơi trò chơi Ai nhanh, ai đúng?****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**- GV chia HS thành các nhóm (4 – 6 HS/nhóm).- GV phát các hộp thẻ tên và đặc điểm 4 loại cây cảnh đã học, yêu cầu HS ghép các thẻ tên các loại cây với đặc điểm tương ứng của 4 loại cây cảnh đã học.- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét chéo kết quả làm của các nhóm.- GV nhận xét, đánh giá và kết luận: Nối 1 - B, 2 - C, 3 - D, 4 - A.**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: 5p**- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện hoạt động Vận dụng: Mô tả đặc điểm một loại cây cảnh mà em yêu thích.- GV hướng dẫn HS báo cáo kết quả theo mẫu sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên cây cảnh** | **Thân** | **Lá** | **Đặc điểm hoa, quả** |
|  |  |  |  |

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm vào bài học sau. - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.- GV nhắc nhở HS:+ Đọc lại bài học Một số loại cây cảnh phổ biến. + Đọc trước Bài 4 – Chậu và giá thể trồng hoa, cây cảnh (SHS tr.16). | **-** HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học. - HS chia thành các nhóm.- HS thảo luận theo nhóm.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS quan sát video và lắng nghe GV đặt câu hỏi.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS chia thành các nhóm.- HS thảo luận theo nhóm.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS lắng nghe GV đặt câu hỏi.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS quan sát video.- HS chia thành các nhóm.- HS thảo luận theo nhóm.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS chia thành các nhóm và lắng nghe GV phổ biến luật chơi.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV.­- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe, thực hiện. |

………………………………………………………………………………………………….

**Môn: Khoa học Số tiết CT: 12**

**Tên bài: BÀI 6: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ**

 **VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.

- Trình bày được vai trò của không khí đối với sự sống.

- Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí.

- Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**:

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

- HS:SHS, VBT. Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động :** (5P)- GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt câu hỏi: *Khi thổi không khí vào bếp than hoặc bếp củi thì lửa sẽ cháy to lên hay nhỏ đi? Vì sao?*- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng- GV nhận xét, tuyên dương- GV dẫn dắt vào bài học mới: ***Bài 6 – Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí.*****2. Hoạt động hình thức kiến thức : (10p)** | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu. - HS xung phong trả lời:*Lửa sẽ cháy to hơn.*- HS theo dõi, ghi bài mới. |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm không khí**- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.-  GV yêu cầu HS quan sát hình 5 – 8 trang 26 SGK và trả lời các câu hỏi:+ Ô nhiễm không khí gây tác hại như thế nào đối với con người, động vật, thực vật? - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét.- GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các nhóm trả lời tốt. - GV treo tranh ảnh lên bảng tranh ảnh về hình ảnh ô nhiễm không khí do khói bụi.**Hoạt động 2 : Nhận xét về môi trường không khí nơi em sinh sống*****Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.***- GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:**Câu 1:** Nguyên nhân gây ô nhiễm nào sau đây là từ tự nhiên?A. Hoạt động sản xuất công, nông nghiệpB. Núi lửa phun tràoC. Giao thông vận tảiD. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng**Câu 2:** Nguyên nhân nào sau đây không gây ô nhiễm không khí?A. Trời mưaB. Vứt rác thải bừa bãiC. Cháy rừngD. Đốt rơm, rạ**Câu 3:** Trong các hoạt động sau, hoạt động nào gây ô nhiễm không khí?A. Dùng nước mưa để tưới câyB. Đốt rácC. Sục khí oxygen vào bể cáD. Hoạt động quang hợp của cây**Câu 4:** Biện pháp góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm không khí?A. Chặt cây, phá rừng.B. Trồng cây xanh.C. Đổ chất thải chưa qua xử lí ra môi trường.D. Xây thêm nhiều khu công nghiệp.**Câu 5:** Trong không khí chỗ Nam ở có quá nhiều khói bụi đến mức gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Có thể kết luậnA. Chỗ Nam ở gần các khu công nghiệp.B. Nơi Nam ở có độ ẩm không khí cao.C. Không khí ở chỗ Nam đang bị ô nhiễm.D. Không khí ở đây chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà không ảnh hưởng đến các sinh vật khác.- GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.- GV nhận xét, chốt đáp án, tuyên dương các HS trả lời tốt.***Nhiệm vụ 2. Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống***- GV tổ chức HS làm việc theo nhóm 6 HS.- GV yêu cầu HS đọc, thảo luận yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng trang 26 SGK và trả lời các câu hỏi.- GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.- GV chữa bài, nhận xét và khen thưởng các HS trả lời tốt. - GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến, cả lớp nhận xét.- GV nhận xét, chốt lại đáp án.- GV gọi hai HS đọc nội dung cung cấp kiến thức (con ong) ở trang 26 SGK.**3. Hoạt động vận dụng , luyện tập : (15p)** **Liên hệ những hoạt động bảo vệ môi trường không khí ở địa phương**- GV tổ chức HS làm việc theo nhóm 6 HS.- GV hướng dẫn HS thảo luận, tìm hiểu nhóm theo các yêu cầu:- GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp về nội dung thảo luận, các nhóm nhận xét chéo nhau.- GV chữa bài, nhận xét và khen thưởng các nhóm báo cáo kết quả thảo luận tốt. - GV gọi hai HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi ở cuối trang 27 SGK.**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp : (5p)**- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung:- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học- Đọc và chuẩn bị trước bài sau - ***Bài 7: Sự truyền ánh sáng.*** | - HS chia theo nhóm.- HS thực hiện theo yêu cầu.- Đại diện các nhóm xung phòng trình bày:- HS chú ý lắng nghe. - HS quan sát, nhận xét.- HS chú ý lắng nghe. - HS chia thành các nhóm.- HS thực hiện theo yêu cầu.- HS trả lời:- HS lắng nghe và suy nghĩ.- HS trả lời:- HS thực hiện đọc và ghi nhớ.- HS chia theo nhóm.- HS thực hiện theo yêu cầu.- Đại diện các nhóm xung phòng trình bày:  - HS chú ý lắng nghe. - HS đọc.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS thực hiện đọc và ghi nhớ. |

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*……*

**THỨ SÁU NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 2024**

 **Môn: Toán Số tiết CT: 30**

**Tên bài: ĐƠN VỊ ĐO GÓC. ĐỘ (°) (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về đại lượng đo góc, nhận biết được mỗi góc có một số đo. Biết được đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o. Nhận biết được góc vuông có số đo là 90o ; góc bẹt có số đo là 180o.

*- Năng lực Giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Làm quen với thước đo góc, sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đon vị đo độ.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Nêu được cách dùng thước đo góc.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về cách dùng thước đo góc*.*

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc với độ lớn khác nhau trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Thước đo góc, mô hình các góc với các số đo 180o; 120o; 90o; 60o.

 Bảng phụ vẽ các góc bài tập 1.

- HS: Thước đo góc

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: (5p)*** |
| - GV cho HS cử động theo vũ điệu Baby Shark Dance- Để đo độ lớn của góc ta dùng dụng cụ gì? - Nêu số đo của góc vuông, góc bẹt? Đặc điểm của góc nhọn, góc tù? GV: Tiết học trước các em đã biết cách sử dụng thước đo góc để đo độ lớn của góc. Tiết học này cô trò mình tiếp tục luyện tập cách sử dụng thước đo góc trong một số tình huống thực tế.  | - HS thực hiện- Thước đo góc- Số đo của góc vuông là 90o, góc bẹt là 180o. Góc nhọn bé hơn 90o, góc tù lớn hơn 90o và bé hơn 180o |
| ***2. Hoạt động luyện tập thực hành : (15p)*** |
| **Bài 3.** GV gọi HS đọc yêu cầu.- YC HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu bài tập: + sử dụng mô hình đồng hồ, xoay kim để đồng hồ chỉ 3 giờ, 6 giờ, 9 giờ; xác định góc tạo bởi hai kim giờ và phút.+ Xoay kim đồng hồ để góc tạo bởi hai kim giờ và phút là góc nhọn, góc tù. - GV nhận xét, tổng kết hoạt động nhóm.  | - HS đọc yêu cầu, hoạt động nhóm đôi. TG 5 phút- Đại diện nhóm nối tiếp chia sẻ kết quả trước lớp kết hợp xoay kim đồng hồ để giải thích cách làm, các nhóm nhận xét, bổ sung. Kết quả ví dụ: + Lúc 3 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 90o, là góc vuông + Lúc 6 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 180o, là góc bẹt. + Lúc 9 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 90o, là góc vuông+ Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc vuông: 3 giờ; 9 giờ. + Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc nhọn: 1 giờ; 2 giờ, 10 giờ; 11 giờ+ Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc tù: 4 giờ; 5 giờ, 7 giờ; 8 giờ |
| ***3. Hoạt động vận dụng :( 10p)*** |
| **Bài 4.** GV gọi HS dọc yêu cầu- YC Hs làm việc cá nhân thực hành đo góc rồi nêu kết quả đo. - HD HS liên hệ thực tế: **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5p)**H: Qua tiết học này em biết thêm điều gì? H: Để đo được độ lớn của góc, em nhắn bạn điều gì? - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc và sự thay đổi độ lớn của góc.- Dặn HS chuẩn bị thước thẳng, ê ke cho bài sau: Hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng vuông góc | - HS thực hành đo góc rồi chia sẻ kết quả trước lớp. - Lớp nhận xét, bổ sung.- Liên hệ với một số hình ảnh khác có trong thực tế. VD: + Khi cầm bút thì cần đặt bút nghiêng khoảng 45 độ so với mặt giấy. Đây là độ nghiêng vừa phải khiến cổ tay linh hoạt hơn+ Khi tập viết chữ nghiêng, độ nghiêng chuẩn của chữ là 15° về phía bên phải khi viết. Tuyệt đối không cầm bút dựng đứng 90 độ.+ Khi ngồi học, cột sống luôn ở tư thế thẳng đứng, vuông góc với mặt ghế ngồi.+ Độ nghiêng của cầu thang; Độ nghiêng của các con dốc; khi thả diều, độ nghiêng của dây diều so với mặt đất luôn thay đổi, ....- Biết cách sử dụng thước đo góc; biết đặc điểm độ lớn của góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt.- Tích cực thực hành sử dụng thước đo góc cho thành thạo. - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*:

..................................................................................................................................... ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Môn: Tiếng Việt**

**Tên bài: GÓC SÁNG TẠO: QUAN SÁT VƯỜN CÂY** **Số tiết CT: 42**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Nghe và ghi chép được những thông tin được nghe, ghi chép kết quả quan sát một vườn cây hoặc một loài cây.

**2. Năng lực chung:**

- NL giao tiếp và hợp tác: biết trao đối với các bạn về kết quả quan sát;

- NL tự chủ và tự học: biết quan sát, ghi chép kết quả quan sát;

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết giải quyết những khó khăn, vướng mắc xuất hiện trong quá trình sát.

**3. Phẩm chất.**

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, thói quen tìm hiểu thực tế, ý thức thực hành

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-GV: Nhạc bài hát *Lý cây xanh;* vườn trường.

-HS: Sổ ghi chép, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động**.(5 phút) |
| - GV mở Video Bài hát *Lý cây xanh*  cho HS hát kết hợp vận động theo nhạc.- Bài hát vừa rồi nói về điều gì?- GV nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài mới: *Trong các tiết học trước, các em đã được học về cách quan sát và tả cây cối. Tuy nhiên, chúng ta mới chỉ quan sát và tả từng cây hoặc một loài cây. Ở tiết học này, các em sẽ được nghe thầy (cô) giới thiệu và tự mình quan sát vườn trường để biết nhiều điều thú vị về vườn cây này*. | - HS hát kết hợp vận động theo nhạc của bài hát.- HS thi đua chia sẻ.- Học sinh lắng nghe. |
| **2. Thực hành: Quan sát vườn cây***.*(25 phút) |
| \* **HĐ 1: Nghe giới thiệu về khu vườn**- GV hoặc người hướng dẫn giới thiệu về khu vườn (diện tích khu vườn, các loài cây và đặc điểm của chúng, …).- Yêu cầu HS nêu câu hỏi để biết thêm thông tin.- GV giải đáp thắc mắc của HS.**\* HĐ 2: Quan sát vườn cây**- GV hướng dẫn HS quan sát vườn cây.- GV yêu cầu HS tự ghi chép những thông tin cần thiết (về một cây hoặc một số loài cây trong vườn trường).- GV theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu cần.**\* HĐ 3: Trao đổi về kết quả quan sát** - GV mời một số HS phát biểu về thu hoạch của mình.\*GV nhận xét, khen ngợi HS. | - HS lắng nghe- HS nêu CH để biết thêm thông tin. - Theo dõi để thực hiện.- Chú ý theo dõi.- HS thực hiện theo yêu cầu. (Có thể hỏi GV những điều thắc mắc cần giải đáp).- Lắng nghe.- 1 số HS xung phong phát biểu về kết quả thu hoạch của mình.- Các HS khác có thể nêu câu hỏi giao lưu hoặc bổ sung ý kiến.- Lắng nghe, thực hiện.  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** (5 phút). |
| - Em thấy tiết học này có gì bổ ích, thú vị; có điều gì cần rút kinh nghiệm?- Theo em, cây xanh có ích lợi gì? - Chúng ta cần làm gì để góp phần bảo vệ môi trường?- Để kết quả quan sát sự vật đạt hiệu quả, em cần lưu ý điều gì?- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS hoàn thành tốt BT. Nhắc HS về nhà thực hiện tự đánh giá ở nhà (trang 47 SGK) để hôm sau báo cáo. | - HS nối tiếp chia sẻ.- Cây xanh cung cấp thức ăn, quả, gỗ, …. Đặc biệt cây xanh thải khí ô-xi, góp phần làm cho môi trường trong lành, bảo vệ sức khoẻ của con người.- Tuyên truyền mọi người không chặt phá cây bừa bãi. Trồng nhiều cây xanh, cây ăn quả,..- HS nêu. - Lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: HĐTN**

**Tên bài: BỨC TƯỜNG VINH DANH Số tiết CT: 18**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.

- Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

***\* GDHS:*** Nhận ra được giá trị bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần (15p)**- GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 6 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 7.- GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.**Hoạt động 2: Bức tường vinh danh (15p)**- GV tổ chức cho HS trưng bày tác phẩm *Niềm tự hào của tôi* trên bức tường vinh danh của lớp.- GV tổ chức HS đi xem tác phẩm của các bạn và tặng sao hoặc dán sticker cho tác phẩm mình yêu thích nhất. - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi xem các tác phẩm. - GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong hoạt động sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi. Thông qua hoạt động, các em hãy phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân nhé!******\* GDHS:*** Nhận ra được giá trị bản thân.**Hoạt động 3: Hoạt động củng cố và nối tiếp (5p)**- GV hướng dẫn HS:+ Giới thiệu tác phẩm Niềm tự hào của tôi với người thân.+ Chia sẻ với người thân về kết quả bước đầu thực hiện phát huy việc làm đáng tự hào của bản thân.  | - HS chú ý lắng nghe.- HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.- HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.- HS xem tác phẩm và bình chọn theo hướng dẫn.- HS nêu cảm nhận.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS lắng nghe, thực hiện.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………*